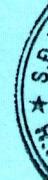


# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ II - 2017**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
CÁP TREO Bà NÀ**





# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TRẺO BÀ NÀ**

CHỖ NẮM TẠI CHI NHỊ KHẾT THỦC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017  
QUÝ II - 2017

**BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 2 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10-11
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 – 45
7. Phụ lục 01: Thuyết minh tài sản cố định	46
8. Phụ lục 02: Giải trình biến động kết quả kinh doanh so với cùng kỳ năm trước	47 <i>(Q)</i>

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Công ty”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3203001615, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty mẹ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp bổ sung 18 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0236 379 1290
- Fax : 0236 379 1290

Công ty mẹ có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Khu du lịch và Biệt thự nghỉ dưỡng Làng Pháp, địa chỉ tại Khu du lịch Bà Nà Hills – thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:**

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng hệ thống cáp treo và máng trượt. Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách du lịch. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà làm văn phòng;
- Cho thuê quảng cáo trên pano, trụ tháp và cabin cáp treo thuộc công ty quản lý; dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- San lấp mặt bằng, dịch vụ nô mìn;
- Bán sách báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ xông hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Điều hành tour du lịch;
- Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí và chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí. Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy điện thủy lợi, công trình điện đến 110KV và hạ tầng cơ sở kỹ thuật. Xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật;
- Khai thác, mua bán và chế biến các loại khoáng sản./.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Minh Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2014
Ông Mạnh Xuân Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2013
Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Phan Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2016
Ông Phùng Thế Tính	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2016
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2016
Bà Trần Thị Thùy Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2016

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Lâm An	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2012
Ông Phạm Văn Hoàng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013
Bà Phùng Phạm Thanh Thúy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ông Hoàng Văn Thiệu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016

#### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2015).

Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Lâm An – Giám đốc điều hành ký Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 27/17/GUQ/BNC/ĐTTH-NLA ngày 02 tháng 3 năm 2017.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kê toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kê toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc điều hành *Qu*

Nguyễn Lâm An

Ngày 28 tháng 7 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.966.933.637.574</b>	<b>2.581.690.766.024</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>54.489.660.878</b>	<b>24.007.560.824</b>
1. Tiền	111		48.489.660.878	24.007.560.824
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36.749.957.900</b>	<b>42.593.572.300</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	39.670.925.500	45.670.925.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.920.967.600)	(3.077.353.200)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.708.517.209.773</b>	<b>2.382.813.732.443</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.069.966.128	36.756.063.251
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	505.223.199.334	1.632.198.630.640
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	60.824
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		842.700.000.000	60.824
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	325.534.363.152	713.859.038.552
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.000.000)	-
8. Tài sản thiểu chờ xử lý	139	V.6	681.159	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>98.897.326.140</b>	<b>73.088.388.646</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	98.897.326.140	73.088.388.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>68.279.482.883</b>	<b>59.187.511.811</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	22.186.077.339	12.020.773.139
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.529.161.095	47.127.423.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	564.244.449	39.315.251
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.720.039.243.631</b>	<b>7.021.032.886.580</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.856.691.358</b>	<b>276.675.351</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	61.856.691.358	276.675.351
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.923.880.098.519</b>	<b>3.267.257.972.215</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.681.060.073.209	3.027.578.418.367
<i>Nguyên giá</i>	222		4.890.648.293.336	4.033.403.995.848
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.209.588.220.127)	(1.005.825.577.481)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	242.820.025.310	239.679.553.848
<i>Nguyên giá</i>	228		247.767.309.400	243.908.225.964
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.947.284.090)	(4.228.672.116)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>1.462.091.532.876</b>	<b>1.469.290.868.925</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		1.517.599.947.073	1.517.599.947.073
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(55.508.414.197)	(48.309.078.148)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>329.487.881.075</b>	<b>474.235.970.811</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	329.487.881.075	474.235.970.811
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.845.518.020.400</b>	<b>1.790.067.201.475</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.511.771.885.322	1.456.321.066.397
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	333.746.135.078	333.746.135.078
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>97.205.019.403</b>	<b>19.904.197.803</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	56.771.040.121	19.904.197.803
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		421.187.284	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		40.012.791.998	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.686.972.881.205</b>	<b>9.602.723.652.604</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.287.264.804.093</b>	<b>5.719.138.314.484</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.726.713.392.302</b>	<b>2.474.833.375.741</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	67.714.480.178	265.144.551.705
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.435.486.933	5.584.278.974
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	32.482.161.397	13.598.339.006
4. Phải trả người lao động	314		17.319.647.199	18.982.608.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	120.384.479.602	57.240.064.499
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	14.460.721.145	18.994.238.970
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	926.770.620.060	905.176.242.753
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	528.145.795.788	1.190.113.051.175
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
			339.006	98.659
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.560.551.411.791</b>	<b>3.244.304.938.743</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		225.622.207.996	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	100.437.796.030	101.246.360.710
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.077.798.428.748	2.979.800.576.557
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	156.692.979.017	163.258.001.476
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.399.708.077.112</b>	<b>3.883.585.338.120</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>4.399.708.077.112</b>	<b>3.883.585.338.120</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.164.000.000.000	2.164.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.164.000.000.000	2.164.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.318.749.577.103	1.133.601.673.912
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.133.601.673.912	217.369.452.307
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		185.147.903.191	916.232.211.605
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		916.958.500.009	585.983.664.208
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.686.972.881.205</b>	<b>9.602.723.652.604</b>

Người lập biểu

Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh



Nguyễn Lâm An

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	633.655.742.590	486.025.970.924	954.917.942.525	731.748.624.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.542.511.740	-	1.542.511.740	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		632.113.230.850	486.025.970.924	953.375.430.785	731.748.624.230
4. Giá vốn hàng bán	11		254.272.705.805	191.924.181.460	407.079.331.272	341.553.494.809
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		377.840.525.045	294.101.789.464	546.296.099.513	390.195.129.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		24.385.756.203	2.815.839.943	24.461.044.552	8.121.883.494
7. Chi phí tài chính	22		92.933.872.833	51.700.110.178	173.501.181.995	113.061.840.675
Trong đó: chi phí lãi vay	23		92.473.533.339	50.730.626.166	172.279.238.892	111.335.783.043
8. Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		52.077.795.942	-	55.450.818.925	-
9. Chi phí bán hàng	25		76.828.795.518	28.777.243.812	104.846.185.656	42.580.905.124
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		72.263.633.386	15.917.093.439	121.827.796.665	27.899.297.723
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		212.277.775.453	200.523.181.978	226.032.798.674	214.774.969.393
12. Thu nhập khác	31		670.447.226	953.586.426	1.035.367.253	1.375.244.778
13. Chi phí khác	32		6.422.904.488	2.263.218.104	6.537.841.661	6.321.998.344
14. Lợi nhuận khác	40		(5.752.457.262)	(1.309.631.678)	(5.502.474.408)	(4.946.753.566)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		206.525.318.191	199.213.550.300	220.530.324.266	209.828.215.827
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	29.795.429.166	41.977.146.224	36.979.111.409	47.606.322.862
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		(3.876.496.557)	(7.187.014.447)	(6.986.209.743)	(5.068.244.248)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		180.606.385.582	164.423.418.523	190.537.422.600	167.290.137.213
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		174.137.815.416	164.423.418.523	185.147.903.191	167.290.137.213
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.468.570.166	-	5.389.519.409	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		805	760	856	773
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		805	760	856	773

Người lập biểu

Ngô Hồng Tiến

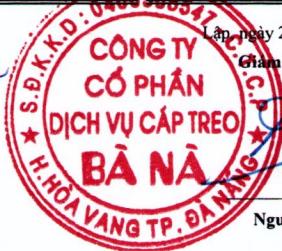
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh

Lập ngày 28 tháng 7 năm 2017

Giám đốc điều hành

Nguyễn Lâm An



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước

**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>220.530.324.266</b>	<b>209.828.215.827</b>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		211.680.590.669	162.040.946.682
- Các khoản dự phòng	03		(145.385.600)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		41.850.863	(2.423.680)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(55.450.818.925)	(7.374.160.101)
- Chi phí lãi vay	06		172.279.238.892	111.335.783.043
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<b>548.935.800.165</b>	<b>475.828.361.771</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.422.976.933.705	516.620.370.787
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.808.937.494)	36.317.087.684
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		426.693.317.332	(88.716.624.086)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(47.032.146.518)	13.075.375.437
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		6.000.000.000	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(172.279.238.892)	(113.036.746.762)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(18.433.818.696)	(9.898.933.457)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(123.680.101)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(123.680.101)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>2.141.051.909.602</b>	<b>830.188.891.374</b>

**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(648.449.587.427)	(299.080.632.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	220.694.875
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(842.700.000.000)	(288.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	242.290.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(55.450.818.925)	(311.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27	-	7.944.154.029
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<b>(1.546.600.406.352)</b>	<b>(647.875.783.591)</b>

này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	580.027.335.085	156.449.631.499
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.143.996.738.281)	(321.421.297.281)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(563.969.403.196)</b>	<b>(164.971.665.782)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>30.482.100.054</b>	<b>17.341.442.001</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>24.007.560.824</b>	<b>10.462.498.615</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>54.489.660.878</b>	<b>27.803.940.616</b>

Người lập biểu

Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh

Lập ngày 28 tháng 7 năm 2017

Giám đốc điều hành



Nguyễn Lâm An

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

Quý 2 - 2017

**I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng hệ thống cáp treo và máng trượt. Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách du lịch. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách; Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Điều hành tua du lịch; Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí và chuyền giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí. Dịch vụ vui chơi giải trí; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Tổ chức biểu diễn nghệ thuật./.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

**5a. Thông tin về tái cấu trúc Công ty***Mua công ty con*

Tháng 11 năm 2016 Công ty đã mua 74,165% vốn góp tại Công ty TNHH Thành phố Mặt trời với giá mua là 851.808.741.562 VND. Mục đích của việc mua Công ty TNHH Thành phố Mặt trời là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lãi từ giao dịch mua rẽ như sau:

Tài sản	3.271.045.544.803
Nợ phải trả	974.083.154.491
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	2.296.962.390.312
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	593.413.629.770
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	1.703.548.760.542
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	851.808.741.562
<b>Lãi từ giao dịch mua rẽ [(a) – (b)]</b>	<b>851.740.018.980</b>

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền	851.808.741.562
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(5.004.236.178)

**Tiền chi thuần****846.804.505.384**

Tháng 04 năm 2017 Công ty TNHH Thành phố Mặt trời đã mua 70% vốn góp tại Công ty TNHH Khách sạn và Dịch vụ Du lịch Tây Hồ View với giá mua là 801.817.800.000 VND. Mục đích của việc mua Công ty TNHH Khách sạn và Dịch vụ Du lịch Tây Hồ View là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

**5b. Công ty con được hợp nhất**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Thành phố Mặt trời có trụ sở chính tại Số 13 phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cho thuê văn phòng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 74,165%. *(Q)*

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**5c. Các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ phản hồi		Tỷ lệ quyền biểu	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Đầu tư trực tiếp</b>						
Công ty Cổ Phần Xây dựng, đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 5 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	47,90%	47,90%	48,94%	48,94%
<b>Đầu tư gián tiếp</b>						
Công ty TNHH Bất Động Sản Mặt trời	Tòa nhà Olalani, Lô A5, A8, A9 đường Trần Hưng Đạo, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh Bất động sản	22,25%	22,25%	42,86%	42,86%
Công ty TNHH Bất động sản Mặt trời Thủ Đô	Số 11 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	5,13%	5,13%	27,00%	27,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt Trời Mộc	Số 15AV Hồ Xuân Hương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	22,25%	22,25%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hồ Tây	Số 68 B đường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	35,41%	35,41%	47,75%	47,75%
Công ty TNHH Công viên Châu Á	Số 01 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vui chơi, giải trí	14,95%	14,95%	20,16%	20,16%

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi Nhánh Hà Nội kiểm toán.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính quý 2 năm 2017 Công ty có 1.332 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.306 nhân viên).

**II . NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III . CHUẨN MỰC VÀ CHÉ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### 3. Các giao dịch ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

(Q)

# CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 5. Các khoản đầu tư tài chính

### Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

#### **Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết**

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định từng kỳ, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

(\*)

## CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Mẫu B09 - DN

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Trên ba năm	100%

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính/bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chỉ phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm

***Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê văn phòng***

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê văn phòng phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp được thăng với thời gian trả trước của hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng thuê văn phòng.

***Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu***

Chi phí liên quan đến trái phiếu phát sinh sau khi trái phiếu phát hành là chi phí quản lý tài sản đảm bảo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp được thăng với thời gian bằng thời hạn đáo hạn của trái phiếu.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08 năm
- Tài sản cố định khác (**)	04 - 10 năm

(\*) Thời gian khấu hao của phương tiện vận tải, truyền dẫn là 3 tuyến cáp treo được thay đổi từ 35 năm (áp dụng từ năm 2015 trở về trước) sang 10 năm (áp dụng từ năm 2016).

(\*\*) Thời gian khấu hao của một số tài sản cố định khác được thay đổi từ 10 năm (áp dụng từ năm 2015 trở về trước) sang 05 năm (áp dụng từ năm 2016).

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 04 đến 06 năm.

***Bản quyền, băng sáng ché***

Nguyên giá của bản quyền tác giả, băng sáng ché mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, băng sáng ché được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Bản quyền tác giả của Công ty là quyền phát hành đĩa nhạc, tuy nhiên Công ty chưa sử dụng, do đó chưa trích khấu hao.

## CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

### 11.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	50
Cơ sở hạ tầng	7

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13.13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

**15. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần dẻ tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần dẻ giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

**16. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

**17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### 24. Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	6.406.712.759	3.890.879.255
Tiền gửi ngân hàng	37.037.325.171	19.046.846.569
Tiền đang chuyển	5.045.622.948	1.069.835.000
<b>Cộng</b>	<b>48.489.660.878</b>	<b>24.007.560.824</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Xây Dựng Việt Nam	300.000.000	67.500.000		300.000.000	67.500.000	
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử & Tin học Việt Nam (*)	240.000.000			240.000.000		
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ & Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng (*)	2.825.865.000			2.825.865.000		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	763.938.000	342.306.000	(273.299.400)	763.938.000	342.306.000	(421.632.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	36.708.000	7.660.800	(29.047.200)	36.708.000	7.660.800	(29.047.200)
Ngân hàng TMCP Á Châu	288.350.000	154.176.000	(61.466.000)	288.350.000	154.176.000	(134.174.000)
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (*)	7.693.078.500	9.506.097.000	(197.155.000)	7.693.078.500	9.506.097.000	(232.500.000)
Công ty Cổ phần Công ty Mai Linh	4.725.000.000			4.725.000.000		
Công ty Cổ phần Kinh Đô	9.197.986.000	9.833.729.150		9.197.986.000	9.833.729.150	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	13.600.000.000	11.340.000.000	(2.360.000.000)	13.600.000.000	11.340.000.000	(2.260.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>39.670.925.500</b>		<b>(2.920.967.600)</b>	<b>39.670.925.500</b>		<b>(3.077.353.200)</b>

CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Mẫu B09 - DN

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Giá gốc	Lợi nhuận lũy kế đầu năm	30/06/2017 (VND)	Lợi nhuận phát sinh	Cộng
Công ty Cổ Phần Xây dựng, đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng (i)	799.900.000.000	19.604.058.349	15.927.482.008	835.431.540.357	
Công ty TNHH Bất động sản Mặt trời Thủ Đô (ii)	3.938.400.000	174.135.812	(10.969.781)	4.101.566.031	
Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt Trời Mộc (iii)	300.000.000.000	70.467.126.887	50.904.874.907	421.372.001.794	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hồ Tây (iv)	182.865.039.218	(153.630.936)	(367.109.787)	182.344.298.495	
Công ty TNHH Công viên Châu Á (v)	100.000.000.000	(22.358.894.202)	(9.118.627.153)	68.522.478.645	
<b>Cộng</b>	<b>1.386.703.439.218</b>	<b>67.732.795.910</b>	<b>57.335.650.194</b>	<b>1.511.771.885.322</b>	

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng 79.990.000 Cổ phiếu với giá trị 799.900.000.000 VND, tương đương 44,94% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102038270 ngày 31 tháng 03 năm 2009, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Bất động sản Mặt trời Thủ Đô 32.296.563.000 VND, chiếm 27% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.938.400.000 VND, chiếm 6,92% vốn điều lệ thực góp của Công ty TNHH Bất động sản Mặt trời Thủ Đô. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Bất động sản Mặt trời Thủ Đô là 28.358.163.000 VND.

(iii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt Trời Mộc 30.000.000 Cổ phiếu với giá trị 300.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

(iv) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hồ Tây 9.550.000 Cổ phiếu với giá trị 182.865.039.218 VND, tương đương 47,75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

(v) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Công viên Châu Á 100.000.000.000 VND, tương đương 20,16 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Cáp treo Fansipan Sapa <sup>(i)</sup>	33.761.000.000			33.761.000.000		
Công ty Cổ Phần Mặt Trời - Đường Sắt Việt Nam <sup>(ii)</sup>	235.180.135.078			235.180.135.078		
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần <sup>(iii)</sup>	64.805.000.000			64.805.000.000	119.575.764.000	
<b>Cộng</b>	<b>333.746.135.078</b>			<b>333.746.135.078</b>	<b>119.575.764.000</b>	

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300634655 thay đổi lần thứ 09 ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, để thực hiện đầu tư quần thể du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn tại thị trấn Sapa tỉnh Lào Cai, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa 33.761.000.000 VND, tương đương 5,3% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107468577 ngày 09 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp để thực hiện đầu tư thực hiện Dự án Nhà Điều hành sản xuất, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại trên khu đất có địa chỉ Số 31 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Mặt trời Đường sắt Việt Nam 270.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 23.507.000 Cổ phiếu, chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Mặt trời Đường sắt Việt Nam. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Mặt trời Đường sắt Việt Nam là 34.930.000.000 VND.

(iii) Công ty đầu tư 2.867.042 cổ phiếu Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần.

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố**

Công ty dùng toàn bộ số cổ phiếu của Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần để bảo lãnh cho hợp đồng phát hành trái phiếu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa	<b>5.865.317.325</b>	<b>2.534.473.512</b>
Công ty Cổ phần Khu biệt thự Nghi dưỡng cao cấp Sunrise	525.000	13.592.000
Công ty TNHH Một thành viên Mặt trời Phú Quốc	74.311.996	218.295.305
Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	207.203.064	95.439.496
Công ty TNHH Công viên Châu Á	105.292.089	39.600.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời đại	711.982.420	1.488.300
Công ty Cổ phần Khu du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc	3.447.335.000	1.636.782.273
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Mặt trời	548.698.488	2.690.800
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ	574.743.841	519.698.037
Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	9.018.901	1.071.701
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Đầu tư Cù Lao Chàm	30.223.500	2.523.500
Công ty Cổ phần Địa Cầu	143.503.026	
Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	12.480.000	
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>36.042.517.467</b>	<b>34.676.314.379</b>
Công ty TNHH Olympia	407.665.413	27.302.709.885
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương (ADC)	64.527.382	
Công ty TNHH SunEC	1.890.828.181	
Công ty TNHH MTV Phê Nguyễn	394.803.575	394.803.575
Công ty TNHH Xây Dựng Dân Dụng Olympia	6.837.868.664	454.724.640
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	26.446.824.252	6.524.076.279
<b>Công</b>	<b>35.069.966.128</b>	<b>36.756.063.251</b>

(Q)

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>3.000.000.000</b>	277.966.390.000
Công ty TNHH Khách sạn & Du lịch Tây Hồ View	269.466.390.000	
Công Ty TNHH Bất Động Sản Mặt Trời	3.000.000.000	8.500.000.000
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>502.223.199.334</b>	<b>1.354.232.240.640</b>
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia (OCC)	74.044.315.106	118.977.885.045
Công ty Cổ phần Vinpearl		801.817.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA	28.393.121.471	28.393.121.471
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương (ADC)	180.957.177.056	177.806.479.614
Doppelmayr Sellbahnen GMBH	195.714.934.245	113.810.033.093
Công ty TNHH Cung ứng Hàng hóa Đầu tư Miền đất Mặt trời	19.604.953.755	70.195.712.399
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.508.697.701	43.231.209.018
<b>Cộng</b>	<b>505.223.199.334</b>	<b>1.632.198.630.640</b>

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>217.584.995.836</b>	-	<b>643.196.558.471</b>	-
- Mạnh Xuân Thuận	1.131.500	-	1.131.500	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời - thu tiền hợp tác KD	200.000.000.000	-	625.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ (tách Công ty)	16.110.975.770	-	16.698.462.040	-
- Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ (các khoản khác chi hộ)	1.325.774.527	-	1.325.774.527	
- Công Ty TNHH Công Viên Châu Á	147.114.039	-	146.964.039	
- Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Cáp treo Fansipan Sapa		-	23.986.365	
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời - thu các khoản khác		-	240.000	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	107.949.367.316	-	70.662.480.081	-
- Tiền lãi vay hợp đồng hợp tác kinh doanh đã chi hộ cho các cá nhân.	1.037.778.445	-	1.037.778.445	-
- Thuế GTGT chưa kê khai	7.790.910	-	3.384.897.498	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
- Tạm ứng ngắn hạn	1.379.878.645	-	619.335.283	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.356.964.546	-	555.982.273	-
- Bà Lê Như Hoa - Tiền chuyển	918.000.000	-	918.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Viettronics	155.558.312	-	9.040.806.468	-
- Phải thu các Dự án Suncity	45.296.447.414	-	40.557.210.994	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	43.496.949.044	-	3.248.469.120	-
	<b>325.534.363.152</b>	<b>-</b>	<b>713.859.038.552</b>	<b>-</b>

5b. Phải thu dài hạn khác

<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu về cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ ký cược</b>	<b>61.856.691.358</b>	<b>-</b>	<b>276.675.351</b>	<b>-</b>
	61.856.691.358	-	276.675.351	-
<b>Cộng</b>	<b>61.856.691.358</b>	<b>-</b>	<b>276.675.351</b>	<b>-</b>

6. Tài sản thiếu chò xử lý

- Hàng tồn kho	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
- Hàng tồn kho	1.956.417	-	1.956.417	-
	<b>1.956.417</b>	<b>-</b>	<b>1.956.417</b>	<b>-</b>

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	46.167.848.018	-	43.301.041.355	-
+ Trong đó:				
<i>NVL dùng cho hoạt động đầu tư XDCB</i>	15.503.592.546		16.171.223.945	
<i>NVL dùng cho bảo trì, bảo dưỡng</i>	24.165.622.931		22.608.947.939	
- Công cụ, dụng cụ	3.443.468.010		7.251.380.668	
+ Trong đó: CCDC dùng cho hoạt động đầu tư XDCB	274.314.276		674.167.769	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.459.993.928	-	21.030.441.437	-
- Thành phẩm	152.700.248	-	960.331.258	-
- Hàng hóa	5.673.315.936	-	545.193.928	-
	<b>98.897.326.140</b>	<b>-</b>	<b>73.088.388.646</b>	<b>-</b>

Q

CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>8 a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	1.352.088.156	621.046.303
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.125.039.247	4.052.548.129
Chi phí đồng phục nhân viên	102.649.150	43.567.565
Chi phí sửa chữa, bảo trì	9.867.266.216	5.658.129.428
Chi phí liên quan phát hành trái phiếu	315.833.333	
Chi phí khác	2.739.034.570	1.329.648.381
<b>Cộng</b>	<b>22.186.077.339</b>	<b>12.020.773.139</b>

**8 b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ	12.940.784.874	13.190.543.425
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	3.703.809.645	
Chi phí liên quan trái phiếu phát hành	2.125.000.000	2.896.875.000
Tiền thuê đất	38.198.361.910	
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.506.893.337	112.969.733
<b>Cộng</b>	<b>56.771.040.121</b>	<b>19.904.197.803</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Xem chi tiết Phụ lục 1

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền VND	Bản quyền, băng VND	Chương trình VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu kỳ	<b>236.011.681.017</b>	<b>299.120.540</b>	<b>7.597.424.407</b>	<b>243.908.225.964</b>
Số tăng trong kỳ	-	38.756.000	3.820.327.436	3.859.083.436
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>236.011.681.017</b>	<b>337.876.540</b>	<b>11.417.751.843</b>	<b>247.767.309.400</b>
Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			258.428.164	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	2.540.030	4.226.132.086	<b>4.228.672.116</b>
Số tăng trong kỳ	-	-	718.611.974	<b>718.611.974</b>
- Khấu hao trong kỳ	-	-	718.611.974	<b>718.611.974</b>
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	2.540.030	4.944.744.060	4.947.284.090
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	<b>236.011.681.017</b>	<b>296.580.510</b>	<b>3.371.292.321</b>	<b>239.679.553.848</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>236.011.681.017</b>	<b>335.336.510</b>	<b>6.473.007.783</b>	<b>242.820.025.310</b>

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 205.688.993.017 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng Thương mại.

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****Số đầu năm**

Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa  
 Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu  
 Thuế xuất, nhập khẩu  
 Thuế thu nhập doanh nghiệp  
 Thuế thu nhập cá nhân  
 Thuế tài nguyên  
 Thuế nhà đất  
 Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác  
 Các loại thuế phí khác  
**Cộng**

	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	35.711.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.295.178.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	243.929.971	991.285
Thuế tài nguyên	-	2.612.000
Thuế nhà đất	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-
Các loại thuế phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.231.035</b>	<b>-</b>
	<b>13.598.339.006</b>	<b>39.315.251</b>

**Số phát sinh trong kỳ**

Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa  
 Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu  
 Thuế xuất, nhập khẩu  
 Thuế thu nhập doanh nghiệp  
 Thuế thu nhập cá nhân  
 Thuế tài nguyên  
 Thuế nhà đất  
 Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác  
 Các loại thuế phí khác  
**Cộng**

	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số thực nộp</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	4.784.388.126	(3.934.873.881)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	18.944.091.230	(18.944.091.230)
Thuế xuất, nhập khẩu	1.174.869.121	(1.139.157.155)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.979.111.409	(18.767.286.298)
Thuế thu nhập cá nhân	1.631.468.589	(1.700.741.863)
Thuế tài nguyên	7.457.320	(4.845.320)
Thuế nhà đất	1.832.397.317	(1.832.397.317)
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	3.103.495.608	(3.103.495.608)
Các loại thuế phí khác	43.337.246.012	(44.008.742.867)
<b>Cộng</b>	<b>111.794.524.732</b>	<b>(93.435.631.539)</b>

**Số cuối kỳ (30/06/2017)**

Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa  
 Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu  
 Thuế xuất, nhập khẩu  
 Thuế thu nhập doanh nghiệp  
 Thuế thu nhập cá nhân  
 Thuế tài nguyên  
 Thuế nhà đất  
 Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác  
 Các loại thuế phí khác

	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số phải thu</b>
	849.514.245	-
	-	-
	31.456.571.070	(50.432.041)
	173.665.412	-
	-	-
	-	-
	2.410.670	614.676.490
	<b>32.482.161.397</b>	<b>564.244.449</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000011 ngày 08 tháng 5 năm 2008 do Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu và cấp bổ sung lần 3 là ngày 23 tháng 8 năm 2012, Công ty được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20% và áp dụng trong thời gian 10 năm, kể từ khi dự án đầu tư Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009); được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2015).

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

- Căn cứ theo điều 11 thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Lãi vay phải trả  
 Chi phí thi công các hạng mục đã hoàn thành  
 Chi phí quảng cáo, tư vấn pháp lý  
 Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	88.812.520.167	41.519.458.010
Chi phí thi công các hạng mục đã hoàn thành	3.713.491.600	6.860.767.883
Chi phí quảng cáo, tư vấn pháp lý	10.000.000.000	3.730.639.181
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>17.858.467.835</u>	<u>5.129.199.425</u>
	<b><u>120.384.479.602</u></b>	<b><u>57.240.064.499</u></b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng. Bao gồm:

Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JBIC  
 Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam  
 Các khách hàng khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JBIC	579.852.900	1.159.705.800
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	9.981.020.831	17.110.321.425
Các khách hàng khác	<u>3.899.847.414</u>	<u>724.211.745</u>
	<b><u>14.460.721.145</u></b>	<b><u>18.994.238.970</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18 a. Phải trả ngắn hạn khác****Phải trả các tổ chức, cá nhân khác**

Tài sản thừa chờ xử lý  
 Kinh phí công đoàn  
 Bảo hiểm xã hội  
 Bảo hiểm y tế  
 Bảo hiểm thất nghiệp  
 Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn  
 Ông Trần Minh Sơn - tiền đặt cọc mua cổ phần (i)  
 Ông Trần Khanh - tiền đặt cọc mua cổ phần (i)  
 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	326.333.148	261.271.068
Kinh phí công đoàn	694.340.674	829.046.279
Bảo hiểm xã hội	3.228.876	251.575
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	306.700	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	431.801.550	410.125.100
Ông Trần Minh Sơn - tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	412.403.034.528	412.403.034.528
Ông Trần Khanh - tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	487.533.169.345	487.533.169.345
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>25.378.405.239</u>	<u>3.739.344.858</u>
	<b><u>926.770.620.060</u></b>	<b><u>905.176.242.753</u></b>

(i) Tiền đặt cọc tiền mua cổ phần Công ty TNHH Khách sạn &amp; Du lịch Hồ View.

**18 b. Phải trả dài hạn khác****Phải trả các tổ chức và cá nhân khác**

Nhận ký quỹ, ký cược

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược	103.746.360.710	101.246.360.710
	<b><u>100.437.796.030</u></b>	<b><u>101.246.360.710</u></b>

**18 c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vay và nợ ngắn hạn/dài hạn'****19 a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	<b>88.000.000.000</b>	<b>88.000.000.000</b>
(i)	88.000.000.000	88.000.000.000
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	<b>440.145.795.788</b>	<b>1.102.113.051.175</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung <sup>(ii)</sup>	67.725.796.815	60.204.479.015
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đà Nẵng	61.725.796.815	60.204.479.015
	6.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem tại thuyết minh số V.16b)	372.419.998.973	541.908.572.160
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	153.658.572.160	153.658.572.160
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	218.761.426.813	243.250.000.000
- Công ty Cổ phần Mỹ Phúc <sup>(iii)</sup>	145.000.000.000	
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem tại thuyết minh số V.16b)	500.000.000.000	
	<b>528.145.795.788</b>	<b>1.190.113.051.175</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ ngắn hạn

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Việt Minh Hoàng phục vụ cho hoạt động đầu tư kinh doanh. Lãi suất cho vay 5,8%/năm. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay và lãi vay được thanh toán một lần khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với 03 lô đất: Lô 29 B2-32, Lô 28 B2-32, Lô 1 B2-21 tại khu đô thị ven sông Hòa Xuân, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng.

(iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Mỹ Phúc theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HDV/MPC-BNC ngày 24 tháng 11 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất 11,1%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**19 b. Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Khu biệt thự Nghỉ dưỡng cao cấp Sunrise <sup>(i)</sup>	<b>263.350.000.000</b>	<b>184.500.000.000</b>
Công ty cổ phần Địa Cầu <sup>(ii)</sup>	67.400.000.000	184.500.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	83.300.000.000	
	112.650.000.000	
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>		
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đà Nẵng <sup>(iii)</sup>	1.919.267.873.187	<b>1.900.560.497.190</b>
	6.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(iv)</sup>	997.272.128.430	1.074.101.414.510
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Trung <sup>(v)</sup>	358.600.000.001	453.281.699.248
	563.395.744.756	367.177.383.432
Trái phiếu thường dài hạn <sup>(vi)</sup>	895.180.555.561	894.740.079.367
	<b>3.077.798.428.748</b>	<b>2.979.800.576.557</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ dài hạn.

## CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần Khu biệt thự Nghi dưỡng cao cấp Sunrise theo Hợp đồng tín dụng số 34/2016/HĐV/SRC-BNC ngày 16 tháng 12 năm 2016 để bù sung vốn lưu động, thời hạn vay 15 tháng, lãi suất 11%/năm, không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay Công ty Cổ phần Địa Cầu theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/HĐV/DCC-BNC ngày 07 tháng 03 năm 2017 để bù sung vốn lưu động, thời hạn vay 15 tháng, lãi suất 11%/năm, không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng để Thanh toán chi phí thực hiện Dự án xe trượt ống Bà Nà thuộc dự án quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay 68 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 7 tháng. Tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân thửa đất số 1 -11 B2-20, 14-19 B2-20 và tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng ngày 24/4/2014 để đầu tư Khu vườn hoa Festival Bà Nà Hills với lãi suất theo khé ước nhận nợ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 07 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản gắn liền với đất Dự án Khu vườn hoa Festival Bà Nà Hills.

- Hợp đồng tín dụng ngày 30/12/2013 để đầu tư tuyến cáp treo Bà Nà - By Night với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng ngày 22/4/2013 để thanh toán cho các hạng mục triển khai thuộc dự án "Khu vui chơi giải trí FEC & CLUB" với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất tại khu vui chơi giải trí gia đình FEC&CLUB, động sản và quyền tài sản phát sinh từ hoặc được tạo lập trong quá trình xây dựng và triển khai dự án.

- Hợp đồng tín dụng ngày 14/11/2016 để đầu tư dự án SunCity với lãi suất theo khé ước nhận nợ, thời hạn vay 36 tháng. Tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của tòa nhà SunCity và toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Thành Phố Mặt Trời (Sun City).

(v) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng ngày 06/02/2013 để thanh toán Dự án khu khách sạn Mercure - Làng Pháp Bà Nà với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay 96 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng.

- Hợp đồng tín dụng ngày 21/12/2012 để thanh toán Dự án Đầu tư Nhà Ga và tuyến cáp treo số 3 với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay 66 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng.

- Hợp đồng tín dụng ngày 7/8/2013 để thanh toán đầu tư dự án sân Golf Bà Nà - Giai đoạn 1 với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng.

- Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, các lô đất thuộc khu đô thị sinh thái Hòa Xuân, 2.300.000 Cổ phiếu Tập đoàn Vingroup thuộc sở hữu của bà Phạm Thu Hương, 99.026.000 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà của Ông Lê Viết Lam, Ông Vũ Huy Thắng và Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc (xem thuyết minh số VIII.1), khu đất 400.000 m<sup>2</sup> tại Bà Nà - Suối Mơ, quyền sử dụng các lô đất Khu đô thị Hòa Xuân.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngày 06/9/2016 để thanh toán phụ trợ bao Dự án tuyến cáp treo số 4 - số 5 và các công trình phụ trợ thuộc quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ, với lãi suất theo từng khé ước nhận nợ, thời hạn vay là 96 tháng và thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Dự án tuyến cáp treo số 4 - số 5 và các công trình gồm nhưng không giới hạn tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai.

(vii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn từ 02 đến 03 năm, được phát hành cho các tổ chức tín dụng để mở rộng đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ phát hành trái phiếu thường (xem thuyết minh số V.16).

Các trái phiếu đều được phát hành theo mệnh giá, có lãi suất thả nổi, chi tiết như sau:

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
	Kỳ hạn	Giá trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (1)		200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương <sup>(2)</sup>		24 tháng
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á <sup>(3)</sup>		24 tháng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(4)</sup>	36 tháng	400.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội <sup>(5)</sup>	84 tháng	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (6)	84 tháng	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>1.400.000.000.000</b>

(1) Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn hoạt động. Tài sản đảm bảo bằng 22.534.204 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thành phố mặt trời; Bà Chu Thị Hồng Hạnh; Công ty Cổ phần Địa Cầu, Ông Nguyễn Văn Hiệp; Ông Trần Khanh, mệnh giá 200 tỷ VND. Công ty đã hoàn thành thủ tục mua lại khoản trái phiếu này;

(2) Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn hoạt động. Tài sản đảm bảo bằng 11.585.886 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup của Bà Phùng Thị Chất, mệnh giá 150 tỷ VND. Công ty đã hoàn thành thủ tục mua lại trước hạn khoản trái phiếu này.

(3) Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn hoạt động. Tài sản đảm bảo bằng 11.585.886 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup của Bà Phùng Thị Chất, mệnh giá: 150 tỷ VND. Tháng 03/2017 Công ty đã hoàn thành thủ tục mua lại trước hạn khoản trái phiếu này.

(4) Mục đích phát hành để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời thực hiện đầu tư dự án Hòa Xuân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 366/2015/HTKD/BNC-SHD ngày 25 tháng 11 năm 2015. Tài sản đảm bảo bằng 19 lô đất Sunrise tổng diện tích: 12,971.và 11.667.922 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup của Bà Phùng Thị Chất, mệnh giá: 500 tỷ VND.

(5). (6) Mục đích phát hành để thực hiện Dự án tuyến cáp treo số 4 và số 5. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án.

#### 19.c Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch thời gian khấu hao theo quy định của Nhà nước và thời gian

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quá kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Chênh lệch khấu hao tài sản	28.043.430.977	(5.038.109.850)	23.005.321.127
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	135.440.256.260	(1.526.912.609)	133.913.343.651
Khấu hao đánh giá lại tài sản	<u>(225.685.761)</u>	-	<u>(225.685.761)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>163.258.001.476</b>	<b>(6.565.022.459)</b>	<b>156.692.979.017</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.



**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**21. Vốn chủ sở hữu****21 a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
		VND	VND	
Số dư đầu năm nay	<b>2.164.000.000.000</b>	<b>1.133.601.673.912</b>	<b>585.983.664.208</b>	<b>3.883.585.338.120</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	185.147.903.191	330.974.835.801	516.122.738.992
Lợi nhuận trong kỳ	-	185.147.903.191	5.389.519.409	190.537.422.600
Tăng do hợp nhất tại ngày mua	-		325.585.316.392	325.585.316.392
Giảm vốn trong kỳ	-		-	-
Phân phối lợi nhuận	-		-	-
Giảm khác:				-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>2.164.000.000.000</u></b>	<b><u>1.318.749.577.103</u></b>	<b><u>916.958.500.009</u></b>	<b><u>4.399.708.077.112</u></b>

**21 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
		%		
<b>Vốn góp của pháp nhân</b>	<b>154.674.500.000</b>	<b>7,1%</b>	<b>154.674.500.000</b>	<b>7,1%</b>
Công Ty TNHH Một Thành Viên Mặt Trời Phú Quốc	154.674.500.000	7,1%	154.674.500.000	7,1%
<b>Vốn góp của thế nhân</b>	<b>2.009.325.500.000</b>	<b>92,9%</b>	<b>2.009.325.500.000</b>	<b>92,9%</b>
Ông Lê Viết Lam	834.585.500.000	38,6%	834.585.500.000	38,6%
Ông Mạnh Xuân Thuận	735.770.000.000	34,0%	735.770.000.000	34,0%
Ông Vũ Huy Thắng	1.000.000.000	0,05%	1.000.000.000	0,05%
Các cổ đông khác	437.970.000.000	20%	437.970.000.000	20%
	<b><u>2.164.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>2.164.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

**21 c. Cổ phiếu**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	216.400.000	216.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	216.400.000	216.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	216.400.000	216.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****22a. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dollar Mỹ (USD)	1.619,41	33.473,68

**22b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Nam Sài Gòn	2.516.087.200	2.516.087.200
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	507.186.000	507.186.000
Võ Thanh Sơn	414.534.000	414.534.000
Công ty TNHH Hoá chất Xây dựng Vesta	401.976.790	401.976.790
Công ty TNHH Tùng Lâm	392.740.000	392.740.000
Nguyễn Quang Thọ	319.036.400	319.036.400
Atech Group International (Thailand) Co., Ltd	287.749.475	287.749.475
Công ty Cổ phần Đ H C	283.031.720	283.031.720
Các đối tượng khác	2.680.519.400	2.680.519.400
<b>Cộng</b>	<b><u>7.802.860.985</u></b>	<b><u>7.802.860.985</u></b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH****1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga  
 Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn  
 Doanh thu kinh doanh khu vui chơi FEC  
 Doanh thu khác  
**Công**

Quý 2 - 2017	Quý 2 - 2016
VND	VND
466.975.117.890	367.268.608.807
129.179.705.720	76.488.507.718
8.234.480.001	9.815.237.275
29.266.438.979	32.453.617.124
<b>633.655.742.590</b>	<b>486.025.970.924</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

(iv) Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

**Cung cấp dịch vụ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời  
 Công ty TNHH Công viên Châu Á  
 Công ty Cổ phần KDL Sinh thái biển Bãi Bắc  
 Công ty Cổ phần Khu biệt thự Nghi dưỡng cao cấp Sunrise  
 Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc  
 Công ty Cổ phần Thương Mại và Truyền thông Thời Đại  
 Công ty Cổ phần Sân golf Bà Nà Suối Mơ  
 Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Đầu tư Cù Lao Chàm  
 Công ty Cổ phần Mỹ Phúc  
 Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa  
 Công Ty TNHH Mặt Trời Sông Hàn  
**Công**

Quý 2 - 2017	Quý 2 - 2016
VND	VND
76.863.636	12.952.728
35.290.000	
2.319.304.546	4.306.263.635
6.499.999	7.480.909
18.136.361	5.580.909
50.181.817	195.563.181
50.041.640	8.530.051.236
25.181.818	5.970.909
11.345.455	
-	
-	596.063.637
<b>2.592.845.272</b>	<b>13.659.927.144</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga  
 Giá vốn dịch vụ Nhà hàng, khách sạn  
 Giá vốn kinh doanh khu vui chơi FEC  
 Giá vốn khác  
**Công**

Quý 2 - 2017	Quý 2 - 2016
VND	VND
70.772.416.224	68.844.471.787
93.465.593.226	53.256.671.022
13.213.157.639	9.838.644.621
76.821.538.716	59.984.394.030
<b>254.272.705.805</b>	<b>191.924.181.460</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay  
 Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ  
 Doanh thu hoạt động tài chính khác  
**Công**

Quý 2 - 2017	Quý 2 - 2016
VND	VND
24.256.751.423	2.775.961.550
21.676.589	35.214.959
107.328.191	4.663.434
<b>24.385.756.203</b>	<b>2.815.839.943</b>

QD

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**4. Chi phí tài chính**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Chi phí lãi vay	92.526.526.684	50.730.626.166
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	43.443.671	52.777.128
Chi phí tài chính khác	363.902.479	916.706.884
<b>Cộng</b>	<b>92.933.872.833</b>	<b>51.700.110.178</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Chi phí nhân công	854.142.360	1.744.615.893
Chi phí vật liệu, bao bì	1.080.789	2.843.789
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.777.664	49.190.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.171.715	48.100.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.965.700.138	11.375.599.492
Chi phí băng tiền khác	1.953.922.852	15.556.893.782
<b>Cộng</b>	<b>76.828.795.518</b>	<b>28.777.243.812</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.971.053.265	5.685.135.136
Chi phí vật liệu quản lý	175.153.955	149.790.482
Chi phí đồ dùng văn phòng	378.650.483	66.941.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	744.163.756	380.977.690
Thuế, phí và lệ phí	2.210.763.770	118.430.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.892.003.179	337.932.643
Chi phí băng tiền khác	22.891.844.979	9.177.885.706
<b>Cộng</b>	<b>72.263.633.386</b>	<b>15.917.093.439</b>

**7. Thu nhập khác**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Hàng thừa kiểm kê	356.452	356.452
Thu tiền phạt hợp đồng	279.032.956	279.032.956
Thu tiền phạt tồn thắt tài sản	761.000	761.000
Các khoản thu nhập khác	390.296.818	673.436.018
<b>Cộng</b>	<b>670.447.226</b>	<b>953.586.426</b>

**8. Chi phí khác**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Phạt chậm nộp tiền đất		3.855.014.620
Chi phí thanh lý CCDC	114.249.520	-
Phạt hành chính về thuế, lãi BHXH, khác		201.926.820
Chi phí khác	6.308.654.968	(1.793.723.336)
<b>Cộng</b>	<b>6.422.904.488</b>	<b>2.263.218.104</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.507.891.997	23.519.757.138
Chi phí nhân công	52.209.901.837	27.550.568.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.624.839.428	92.513.692.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.936.140.320	15.373.535.359
Chi phí khác	103.086.361.127	77.660.965.515
<b>Cộng</b>	<b>403.365.134.709</b>	<b>236.618.518.711</b>

**VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TẾ****1. Tiền thu từ đi vay**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	323.806.022.879	67.753.609.477
<b>Cộng</b>	<b>323.806.022.879</b>	<b>67.753.609.477</b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(793.996.738.281)	(321.421.297.281)
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	(350.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.143.996.738.281)</b>	<b>(321.421.297.281)</b>

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*  
 Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chi trả tiền cho vay và thu hồi với các cá nhân có liên quan.

**Cam kết bảo lãnh**

Ông Lê Viết Lam dùng 83.458.550 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ cáp treo Bà Nà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Quang Trung.

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
Tiền lương	382.278.456	395.882.773

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**1b. Giao dịch và sở hữu với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thành phố Mặt trời	Công ty con
Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Bất Động Sản Việt Minh Hoàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần DHC Suối Đôi	Công ty nhận góp vốn
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Cáp treo Fansipan Sapa	Công ty nhận góp vốn
Công ty Cổ Phần Mặt Trời - Đường Sắt Việt Nam	Công ty nhận góp vốn
Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Công viên Châu Á	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Khu du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Khu biệt thự Nghỉ dưỡng cao cấp Sunrise	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời Đại	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Hạ tầng Đầm Nhà Mạc	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Việt	Có chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Đầu tư Cù Lao Chàm	Chủ tịch, thành viên HDQT của Công ty là cổ đông lớn của Cù Lao Chàm (Ông Mạnh Xuân Thuận, Ông Đăng Minh Trường)

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Quý 2 - 2017 VND	Quý 2 - 2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời</b>		
Cung cấp dịch vụ cho Sun holding	84.550.000	14.248.000
Nhận dịch vụ tư vấn quản lý, quảng cáo từ Sun holding	76.778.965.753	1.993.982.810
Thu hồi tiền góp vốn kinh doanh từ Sun Holding	425.000.000.000	-
Sun Holding cung cấp hàng hóa, dịch vụ		-
<b>Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn</b>		
Nhận dịch vụ từ Mặt trời Sông Hàn	2.716.708.285	655.670.000
Nhập vật tư công cụ dụng cụ do Mặt trời Sông Hàn cung cấp		1.710.960.060
<b>Công ty TNHH Công viên Châu Á</b>		
Nhận dịch vụ hoa hồng từ Công viên Châu Á	38.647.036.240	12.255.084.222
Nhập công vật tư, cụ dụng cụ từ Công viên Châu Á		
Cung cấp dịch vụ cho Công viên Châu Á	37.701.888	
<b>Công ty Cổ phần Khu du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc</b>		
Nhận dịch vụ do Công ty Cổ phần Khu du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc cung	184.252.699	1.106.283.246
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Bãi Bắc	2.551.235.000	4.736.890.000
<b>Công ty Cổ phần Khu biệt thự Nghỉ dưỡng Cao cấp Sunrise</b>		
Nhận dịch vụ do Công ty Sunrise cung cấp		451.984.865
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Sunrise	7.150.000	-
Lãi vay phải trả	4.508.350.000	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời Đại</b>		

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

Nhận dịch vụ do Công ty Thời Đại cung cấp	10.998.277.698	14.541.158.939
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Thời Đại	55.200.000	215.119.500
<b>Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ</b>		
Cung cấp vật tư cho Công ty Sân Golf	55.045.804	9.277.746.611
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Sân Golf		
<b>Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc</b>		
Nhận dịch vụ do Công ty Mặt trời Phú Quốc cung cấp		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Mặt trời Phú Quốc	19.950.000	6.139.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Đầu tư Cù Lao Chàm</b>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cù Lao Chàm	27.700.000	
<b>Công ty Cổ phần Địa Cầu</b>		
Lãi vay phải trả	4.236.466.665	
<b>Công ty Cổ phần Mỹ Phúc</b>		
Lãi vay phải trả	3.664.341.250	
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Mỹ Phúc	12.480.000	
		18.000.000

**Cam kết bảo lãnh**

Công ty Cổ phần Mặt trời Phú Quốc dùng 15.467.450 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ cáp treo Bà Nà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Quang Trung.

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**2 a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh Cáp treo, thăm quan và dịch vụ tại ga.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng
- Lĩnh vực kinh doanh khác

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

**3. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập

**3a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.



**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Mẫu B09 - DN

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Các khoản cho vay*

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
	VND	VND	VND	VND

**Tại ngày 30/06/2017**

Tiền và các khoản tương đương	48.489.660.878	-	-	48.489.660.878
Chứng khoán kinh doanh	39.670.925.500	-	(2.920.967.600)	36.749.957.900
Phải thu khách hàng	35.069.966.128	-	-	35.069.966.128
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	325.534.363.152	-	-	325.534.363.152
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	333.746.135.078	-	-	333.746.135.078
<b>Cộng</b>	<b>782.511.050.736</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>782.511.050.736</b>

**Tại ngày 01/01/2017**

Tiền và các khoản tương đương	24.007.560.824	-	-	24.007.560.824
Chứng khoán kinh doanh	45.670.925.500	-	(3.077.353.200)	42.593.572.300
Phải thu khách hàng	36.756.063.251	-	-	36.756.063.251
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	692.779.036.809	-	-	692.779.036.809
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	333.746.135.078	-	-	333.746.135.078
<b>Cộng</b>	<b>1.132.959.721.462</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.132.959.721.462</b>

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

**3 b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lênh nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	trở xuống VND	đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Phải trả người bán	67.714.480.178			<b>67.714.480.178</b>
Vay và nợ	528.145.795.788	2.014.402.683.993	1.063.395.744.756	<b>3.605.944.224.536</b>
Các khoản phải trả khác	1.047.155.099.662	100.437.796.030		<b>1.147.592.895.692</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.643.015.375.628</b>	<b>2.114.840.480.023</b>	<b>1.063.395.744.756</b>	<b>4.821.251.600.406</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán	265.144.551.705			<b>265.144.551.705</b>
Vay và nợ	1.190.113.051.175	2.729.800.576.557	250.000.000.000	<b>4.169.913.627.732</b>
Các khoản phải trả khác	961.325.039.670	101.246.360.710		<b>1.062.571.400.380</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.416.582.642.550</b>	<b>2.831.046.937.267</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>5.497.629.579.817</b>

**3 c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

**Rủi ro về lãi suất:**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản cho vay		
Vay và nợ	(3.605.944.224.536)	(4.081.913.627.732)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(3.605.944.224.536)</b>	<b>(4.081.913.627.732)</b>

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

An Sơn - Hòa Ninh - Hòa Vang - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09 - DN

**Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu**

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

**3 d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương	54.489.660.878	-	24.007.560.824	-
Chứng khoán kinh doanh	39.670.925.500	(2.920.967.600)	45.670.925.500	(3.077.353.200)
Phải thu khách hàng	35.069.966.128	-	36.756.063.251	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	325.534.363.152	-	692.779.036.809	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	268.941.135.078	-	333.746.135.078	-
<b>Cộng</b>	<b>723.706.050.736</b>	<b>(2.920.967.600)</b>	<b>1.132.959.721.462</b>	<b>(3.077.353.200)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán	67.714.480.178	265.144.551.705		
Vay và nợ	3.605.944.224.536	4.169.913.627.732		
Các khoản phải trả khác	1.147.592.895.692	1.062.571.400.380		
<b>Cộng</b>	<b>4.753.537.120.228</b>	<b>5.232.485.028.112</b>		

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

**5. Sự kiện kết thúc sau ngày lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp

Người lập biểu

Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Giám đốc điều hành



Nguyễn Lâm An

**Phụ lục 1**

**: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phuơng tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác		Công VND
					VND	VND	
I. Nguyên giá tài sản cố định							
1. Số đầu năm	2.498.309.831.698	506.765.434.119	837.906.429.787	9.992.448.806	180.429.851.438	0	4.033.403.995.848
2. Số tăng trong kỳ	202.566.210.720	70.600.148.473	610.247.799.484	160.782.790	16.908.528.927	900.483.470.394	
<i>Mua mới</i>		6.119.812.260	8.593.995.445	51.307.020	62.220.000	14.827.334.725	
<i>XDCB</i>		120.591.793.932	50.507.202.744	587.199.805.369	9.539.708.880	767.838.510.925	
<i>Tăng khác</i>		81.974.416.788	13.973.133.469	14.453.998.670	109.475.770	117.817.624.744	
3. Số giảm trong kỳ	(26.531.164.874)	(6.607.960.073)	(8.501.067.113)	(191.566.679)	(1.407.414.167)	(43.239.172.906)	
<i>Chuyển vốn cho Chi Nhánh Làng Pháp Thanh lý, nhượng bán khác</i>		(24.200.739.758) (2.330.425.116)	(488.413.091) (6.119.546.982)	(373.021.391) (8.128.045.722)	(191.566.679)	(1.407.414.167)	
4. Số cuối kỳ	<b>2.674.344.877.544</b>	<b>570.757.622.519</b>	<b>1.439.653.162.158</b>	<b>9.961.664.917</b>	<b>195.930.966.198</b>	<b>4.890.648.295.336</b>	
Trong đó:							
Đã hết khấu hao	408.669.647	210.313.277.569	244.359.333	2.355.853.702	358.601.933	213.680.762.184	
II. Hao mòn tài sản cố định							
1. Số đầu năm	336.829.365.655	337.600.566.287	249.072.039.963	4.986.619.762	77.336.985.814	1.005.825.577.481	
2. Số tăng trong kỳ	70.554.695.205	30.946.290.480	95.750.914.765	816.710.193	15.713.179.950	213.781.790.593	
<i>Khấu hao</i>	70.554.695.205	30.946.290.480	95.750.914.765	816.710.193	15.713.179.950	213.781.790.593	
3. Số giảm trong kỳ	(9.392.068.655)	(189.935.993)	(245.576.620)	(191.566.679)	-	(10.019.147.947)	
<i>Thanh lý, nhượng bán Giảm khác (ghi cụ thể)</i>	(9.392.068.655)	(189.935.993)	(245.576.620)	(191.566.679)	-	(10.019.147.947)	
4. Số cuối kỳ	<b>397.991.992.205</b>	<b>368.356.920.774</b>	<b>344.577.378.108</b>	<b>5.611.763.276</b>	<b>93.050.165.764</b>	<b>1.209.588.220.127</b>	
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu kỳ	<b>2.161.480.466.043</b>	<b>169.164.867.832</b>	<b>588.834.389.824</b>	<b>5.005.829.044</b>	<b>103.092.865.624</b>	<b>3.027.578.418.367</b>	
2. Số cuối kỳ	<b>2.276.352.885.339</b>	<b>202.400.701.745</b>	<b>1.095.075.784.050</b>	<b>4.349.901.641</b>	<b>102.880.800.434</b>	<b>3.681.060.073.209</b>	

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình theo sổ sách là 2.451.574.407.172 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản vay và trái phiếu thường tại các Ngân hàng

✓ C.P.T